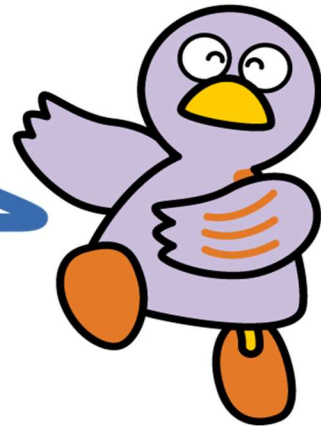


CHƯƠNG 1

Chế độ quản lý lưu trú
Chế độ sổ bộ cơ bản trú dân
Chế độ mã số định danh cá nhân



Hình ảnh biểu trưng của tỉnh saitama Kobaton

- 1 Chế độ quản lý lưu trú**
- 2 Chế độ sổ bộ cơ bản cư trú dân ㊦**
- 3 Chế độ mã số định danh cá nhân**
- 4 Chế độ khác**

Khi người nước ngoài đặt chân vào Nhật, thì nhất thiết phải có hộ chiếu của chính phủ người đó cấp và được kiểm chứng (tức xin visa) tại Đại sứ quán Nhật (có một số trường hợp được miễn trừ).

Khi người nước ngoài nhập cảnh vào Nhật với tư cách không phải là “vi sa lưu trú ngắn hạn”, thì nếu nộp hồ sơ “Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận công nhận tư cách lưu trú” tại cục sở quản lý lưu trú nhập cảnh địa phương, Bộ trưởng bộ tư pháp sẽ xét duyệt tính hợp lý với các điều kiện nhập cảnh liên quan đến tư cách lưu trú trước, sau đó Giấy chứng nhận sẽ được cấp khi đáp ứng các điều kiện. Người nước ngoài sau khi nhận Giấy chứng nhận công nhận tư cách lưu trú sẽ nộp hồ lên Đại sứ quán Nhật khi nộp hồ sơ xin cấp visa.

Thời hạn lưu trú “zairyu kikan” hiển thị thời gian được phép lưu trú ở Nhật, được quyết định khi nhập cảnh. Thủ tục về lưu trú trong thời gian lưu trú tại Nhật sẽ được thực hiện tại các sở quản lý lưu trú nhập cảnh sở tại - quản lý nơi ở. Người sinh sống ở tỉnh Saitama sẽ tiến hành làm thủ tục tại Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh Tokyo, hoặc tại Văn phòng địa phương Saitama thuộc Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh Tokyo.]

※Ngoài các thủ tục ở trên phải làm trực tiếp tại quầy của cục lưu trú, thì cũng có thể nộp hồ sơ online không phải đến nộp trực tiếp.

Trang chủ Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh

<https://www.moj.go.jp/isa/index.html>



Nơi tiếp nhận tư vấn • giải đáp

Cơ quan	Số điện thoại	Giao thông	Thời gian tiếp nhận	Ngôn ngữ hướng dẫn
Trung tâm thông tin tổng hợp lưu trú người nước ngoài	0570-013904 (IP、từ nước ngoài : 03-5796-7112)	Tokyo-to, Minato-ku, Minato-minami 5-5-30 Từ cửa Minatominami ga ShinagawaJR lên xe bus Shinagawa Futou Junkan	8:30~17:15 Thứ 2~Thứ 6 (trừ ngày lễ và lịch nghỉ tết)	Tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt, tiếng Philippin

Hướng dẫn đời sống người nước ngoài tỉnh Saitama

		xuống xe tại 「東京出入国在留管理局前」 URL : https://www.moj.go.jp/isa/consultation/center/index.html		, tiếng Nepal, tiếng Indonesia, tiếng Thái, tiếng Campuchia, tiếng Myanmar, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Pháp, tiếng Sinhala, tiếng Urdu,
Trung tâm hỗ trợ lưu trú người nước ngoài (FRESC) ※ Tư vấn cá nhân theo lịch hẹn (gặp trực tiếp hoặc online)	03-5363-3025 ※Số chuyên dùng để đặt lịch hẹn Đặt qua trang Web 【tiếng Nhật】 https://www12.webcas.net/form/pub/fresc/yoyaku-jpn 【tiếng Anh】 https://www12.webcas.net/form/pub/fresc/yoyaku-eng	Tokyo to, Shinjuku ku, Yotsuya 1-6-1 Tháp Yotsuya tầng 13 URL : https://www.moj.go.jp/isa/support/fresc/fresc_2.1.html	9:00 ~ 17:00 Thứ 2~Thứ 6 (trừ ngày lễ và lịch nghỉ tết)	Tiếng Nhật giản đơn, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Việt, tiếng Nepal, tiếng Indonesia, tiếng Philippin, Tiếng Thái, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha ※Có thể đối ứng các ngôn ngữ khác. Vui lòng hỏi khi đặt lịch hẹn.
Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh	0570—034259 (IP, từ nước ngoài : 03-5796-7234)	Tokyo-to, Minato-ku, Minatominami 5-5-30 Từ cửa Minatominami ga ShinagawaJR lên xe bus Shinagawa Futou Junkan xuống xe tại 「東京出入国在留管理局前」	9:00~16:00 Thứ 2~Thứ 6 (trừ ngày lễ và lịch nghỉ tết)	Tiếng Nhật,
Văn phòng địa phương Saitama thuộc Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh Tokyo.	048-851-9671	Saitama ken Saitama shi Chuo ku Shimochiai 5-12-1 Lầu 1 Văn phòng tổng hợp pháp vụ 2 saitama Đi bộ khoảng 8 phút từ ga yonohonmachi saikyo sen	9:00~16:00 Thứ 2~Thứ 6 (trừ ngày lễ và lịch nghỉ tết)	Tiếng Nhật,
Trung tâm tư vấn tổng hợp người nước ngoài tỉnh saitama ※Khi gặp khó khăn do vấn đề tiếng Nhật tại cửa tiếp nhận của Cơ quan công cộng (như là Ủy ban nhân dân) thì hãy nhờ nhân viên gọi	048-833-3296	Saitama ken, Saitama shi, Urawa ku, Kita Urawa 5-6-5 Lầu 3 Văn phòng chính quyền Urawa tỉnh Saitama Đi bộ khoảng 10 phút từ ga Kita Urawa (cửa Tây) của tuyến Keihintohoku sen	9:00~16:00 Thứ 2~Thứ 6 (trừ ngày lễ và lịch nghỉ tết) ※Cần đặt hẹn trước khi muốn tư vấn trực tiếp về chế độ xuất nhập cảnh, lao động, luật pháp, phúc lợi.	Tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn-Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Philippin, Tiếng Thái Tiếng Việt, Tiếng Indonesia, tiếng Nepal tiếng Nga, tiếng Ukraina (cần đặt lịch hẹn trước)

điện giúp, sẽ giới thiệu người thông dịch qua điện thoại				
Trung tâm chi viện tư vấn hỗ trợ người nước ngoài	03-3202-5535 và 03-5155-4039 (Dùng cả FAX)	Tokyo to, Shinjuku-ku, Kabuki cho 2-44-1 Lầu 11 Tokyoto kenkou Plaza 「Hygia」 Trong Plaza giao lưu đa văn hoá Shinjuku	9:00～16:00 Thứ 2～Thứ 6 (trừ ngày lễ, lịch nghỉ tết, và thứ 4 của tuần thứ 2, thứ 4 của tháng)	Tiếng Trung, tiếng Anh (Thứ 2～Thứ 6) Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Tây Ban Nha (thứ 2, thứ 3, thứ 4) Tiếng Indonesia (Thứ 3) Tiếng Việt (thứ 2, thứ 4) Tiếng Philippin (thứ 6)

1 Chế độ quản lý lưu trú

(1) Tư cách lưu trú • Thời hạn lưu trú

Tư cách và thời hạn lưu trú được cấp khi nhập cảnh vào Nhật, được hiển thị trong hộ chiếu. Tư cách lưu trú được quy định theo bản đính kèm về quản lý Xuất nhập cảnh và luật xác định người tị nạn.

Ngoại trừ “Người có tư cách vĩnh trú”, “Người là vợ/chồng của người Nhật”, “Người là vợ/chồng của người có tư cách vĩnh trú” và “Người có tư cách định trú” thì không được thực hiện các hoạt động lao động ngoài hoạt động đã được công nhận trong tư cách lưu trú được cấp.

Khi muốn hoạt động lao động ngoài hoạt động đã được công nhận trong tư cách lưu trú được cấp, thì trước đó phải làm thủ tục xin cấp hoạt động ngoài tư cách. Khi làm việc mà không xin cấp phép thì sẽ bị xử phạt và cưỡng chế xuất cảnh.

Hơn nữa, thời hạn lưu trú chỉ có thể lưu trú tại Nhật theo nguyên tắc là trong thời gian được cấp phép, quá thời hạn trên sẽ không được phép lưu trú tại Nhật. Trường hợp muốn tiếp tục lưu trú tại Nhật sau khi hết hạn lưu trú thì phải xin gia hạn thời hạn lưu trú trước đó.

(2) Thẻ lưu trú

Thẻ lưu trú là thẻ được cấp dựa vào cấp phép cho việc lưu trú như, cấp phép nhập cảnh, cấp phép thay đổi tư cách lưu trú, cấp phép thay đổi thời hạn lưu trú đối với “người lưu trú trung dài hạn”.

“Người lưu trú trung dài hạn” là người nước ngoài lưu trú trung dài hạn ở nước Nhật, mang tư cách lưu trú theo luật nhập cảnh và không nằm trong các trường hợp từ ①～⑦ sau:

- 1 Người được cấp thời hạn lưu trú dưới “3 tháng”
- 2 Người được cấp tư cách lưu trú là “Lưu trú ngắn hạn”
- 3 Người được cấp tư cách lưu trú là “Ngoại giao” hoặc “Công vụ”
- 4 Người được cấp tư cách lưu trú là “Hoạt động đặc biệt”, như văn phòng Nhật Bản của Hiệp hội liên quan Đài Loan – Nhật Bản (Cử điểm đại diện kinh tế, văn hoá Đài Loan tại Nhật Bản) hoặc nhân viên hoặc thân nhân của nhân viên Phòng tổng đại diện thường trú Palestine tại Nhật Bản.
- 5 Người được cấp tư cách lưu trú là “Hoạt động đặc biệt” (người lưu trú tại Nhật với mục đích làm việc từ xa mang tính quốc tế -dân du mục kỹ thuật số và người hôn phối, con cái của người đó)
- 6 Người vĩnh trú đặc biệt (chú ý)

7 Người không có tư cách lưu trú

(Chú ý) Người có vĩnh trú đặc biệt là người được cấp “Chứng nhận người có tư cách đặc biệt”.

- Thủ tục tại cửa khẩu xuất nhập cảnh.

Tại Cảng hàng không ShinChitose, Cảng hàng không Narita, Cảng hàng không Haneda, Cảng hàng không Chuubu, Cảng hàng không Kansai, Cảng hàng không Hiroshima, Cảng hàng không Fukuoka, song song với việc đóng dấu cấp phép nhập cảnh lên hộ chiếu, đối với những người lưu trú trung dài hạn dưới sự cấp phép nhập cảnh sẽ được cấp thẻ lưu trú.

Trường hợp nhập cảnh từ cửa khẩu xuất nhập cảnh khác, người có tư cách lưu trú trung dài hạn sẽ được cấp và gửi thẻ lưu trú theo đường bưu điện sau khi nộp đơn khai báo tạm trú ở Ủy ban hành chính quận, huyện, thị xã

- Thủ tục ở Ủy ban hành chính xã, huyện, thị xã.

Người mới đến Nhật, hoặc chuyển nơi ở hãy tiến hành các thủ tục dưới đây tại Ủy ban hành chính xã, quận, thị xã. Nộp đơn này có thể thực hiện cùng lúc cho cả Đơn chuyển đến tạm trú và Đơn chuyển nơi ở mới theo chế độ sổ bộ cơ bản trú dân.

Người mới đến Nhật

Người được cấp thẻ lưu trú tại cửa khẩu xuất nhập cảnh, trong vòng 14 ngày kể từ ngày quyết định nơi ở, mang theo thẻ lưu trú tới Ủy ban hành chính quận, huyện, thị xã nơi mình sống nộp đơn.

Người chuyển nơi ở mới

Người có tư cách lưu trú trung dài hạn, khi thay đổi nơi ở mới, trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển đến nơi ở mới, mang theo thẻ lưu trú tới Ủy ban hành chính quận, huyện, thị xã nơi mình sống theo địa chỉ mới nộp đơn.

- Thủ tục tại Sở quản lý lưu trú xuất nhập cảnh địa phương

Nộp đơn (thay đổi) ngoài nơi mình ở

Khi nộp đơn, giấy xin phép phải mang theo hộ chiếu, ảnh chứng minh, và thẻ lưu trú. Trên nguyên tắc, thẻ mới sẽ được cấp tính theo ngày nộp đơn, giấy xin phép.

- ① Đơn xin thay đổi họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch-quê quán

Trường hợp thay đổi họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch-quê quán thì phải nộp hồ sơ trong vòng 14 ngày sau khi phát sinh việc thay đổi họ, và quốc tịch, quê quán.

- ② Đơn xin gia hạn thời hạn hiệu lực của thẻ lưu trú

Người có tư cách vĩnh trú và người có thẻ lưu trú không dán ảnh chưa đủ 16 tuổi phải làm đơn xin gia hạn thời hạn hiệu lực của thẻ lưu trú trước khi hết thời hạn hiệu lực.

- ③ Đơn xin cấp phát lại thẻ lưu trú

Trường hợp làm mất thẻ lưu trú, bị trộm, hư hỏng hoặc bị vấy bẩn thì làm đơn xin cấp lại.

Nộp đơn liên quan đến người hôn phối • cơ quan làm việc

Những trường hợp nộp đơn trực tiếp tại quầy sau đây phải mang theo thẻ lưu trú. Có thể nộp đơn theo cách gửi qua đường bưu điện đến Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh Tokyo, hoặc nộp đơn điện tử thông qua cổng điện tử của tổng cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh. Không được cấp thẻ lưu trú mới kể cả khi nộp đơn này.

- ① Nộp đơn về cơ quan làm việc

Trong số những người lưu trú với tư cách trung dài hạn, người có tư cách lưu trú là tư cách lao động như “Kỹ thuật • Tri thức nhân văn • Nghiệp vụ quốc tế” (trừ nghệ thuật, tôn giáo, truyền thông) và người có tư cách học tập như “du học”, nếu phát sinh các vấn đề như cơ quan trực thuộc (Công ty, trường học) thay đổi tên, địa chỉ, biến mất, tách ra (do hết hợp đồng), hoặc chuyển công ty, trường học khác phải nộp đơn trong vòng 14 ngày.

- ② Nộp đơn liên quan đến người hôn phối

Trong số những người lưu trú với tư cách trung dài hạn, người có tư cách lưu trú là “Đoàn tụ gia đình”, “Kết hôn với vợ/chồng người Nhật” “Kết hôn với người có tư cách vĩnh trú”, trong

trường hợp ly hôn với người hôn phối, hoặc người đó chết thì trong vòng 14 ngày phải nộp đơn.

Thẩm tra lưu trú

Những trường hợp sau đây phải làm đơn xin cấp phép. Việc cấp phép sẽ tốn vài ngày. Việc làm đơn cho những trường hợp ①③④⑦, nếu được cấp phép thì người có tư cách lưu trú trung dài hạn sẽ được cấp thẻ lưu trú mới, mà không đóng dấu trong hộ chiếu (ngoài những trường hợp lưu trú trung dài hạn thì sẽ đóng dấu trong hộ chiếu)

① Thay đổi tư cách lưu trú

Khi muốn thay đổi tư cách lưu trú để thực hiện một mục đích khác, khác với mục đích lưu trú hiện tại

(Ví dụ: du học sinh sau khi tốt nghiệp muốn làm việc tại Nhật)

② Cấp phép hoạt động ngoài tư cách

Khi có tư cách lưu trú mà muốn hoạt động kinh doanh tìm kiếm thu nhập, hoặc nhận lương ngoài hoạt động được công nhận trong tư cách lưu trú hiện có (Phải xin cấp phép trước).

③ Lấy tư cách lưu trú

Khi người nước ngoài sinh ra ở Nhật, hoặc người Nhật nhưng đã trở thành người nước ngoài tại Nhật, lưu trú quá 60 ngày (phải nộp đơn trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh ra, hoặc ngày trở thành người nước ngoài).

④ Gia hạn thời hạn lưu trú

Khi thời hạn lưu trú hiện tại bị hết mà muốn kéo dài thêm thời hạn để hoạt động giống với tư cách hoạt động hiện tại (Nhận hồ sơ trước 3 tháng tính từ ngày hết hạn lưu trú).

⑤ Giấy chứng nhận tư cách lao động

Là giấy chứng nhận người nước ngoài có thể được hoạt động việc làm những loại nào. Tuy nhiên, người nước ngoài có thể làm việc ở Nhật hay không, được quyết định bởi loại tư cách lưu trú và có được cho phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú hay không, vì vậy bản thân giấy chứng nhận tư cách lưu trú không phải là giấy cho phép hoạt động việc làm. Mặt khác, người nước ngoài không có giấy chứng nhận tư cách lao động, không hẳn là không thể thực hiện hoạt động động việc làm.

⑥ Cấp phép tái nhập cảnh

Trường hợp xuất cảnh khỏi Nhật tạm thời trong thời hạn lưu trú được công nhận, thì phải làm thủ tục xin “Cấp phép tái nhập cảnh” trước. Nếu làm thủ tục xin cấp phép tái nhập cảnh trước đó, thì khi quay trở lại Nhật sẽ được miễn bước thẩm tra thông thường cần thiết, và được xem là người tiếp tục mang tư cách và thời hạn lưu trú hiện tại. Thời hạn hiệu lực cho phép nhập cảnh tối đa là 5 năm (người vĩnh trú đặc biệt là 6 năm).

Nếu có hộ chiếu và thẻ lưu trú (hoặc giấy chứng nhận người có tư cách vĩnh trú đặc biệt) còn hiệu lực mà tái nhập cảnh trong vòng 1 năm (trường hợp sau khi xuất cảnh trong vòng 1 năm quay lại thì thời hạn lưu trú sẽ tính đến thời hạn đó, người có tư cách vĩnh trú đặc biệt thì được trong vòng 2 năm tính từ ngày xuất cảnh) thì được cho phép tái nhập cảnh theo chế độ “Minashi sainyukoku kyoka”.

⑦ Cấp phép vĩnh trú

Trường hợp có nguyện vọng vĩnh trú tại Nhật

2 Chế độ sổ bộ cơ bản trú dân

Vào ngày 9 tháng 7 năm 2012, chế độ sổ bộ cơ bản trú dân dành cho người nước ngoài được

đưa vào áp dụng lần đầu.

Sổ bộ cơ bản trú dân là sự tập hợp phiếu cư dân của từng hộ gia đình, được ghi đầy đủ thông tin như họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, địa chỉ, là cơ sở xử lý nghiệp vụ dùng để cung cấp các dịch vụ hành chính. Thủ tục liên quan đến sổ bộ cơ bản trú dân sẽ tiến hành tại các Ủy ban hành chính phường, quận, thị xã. Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ phường, quận, thị xã nơi mình sinh sống.

(1) Phiếu cư trú dân

Người nằm trong 4 phân vùng được ghi trong bảng dưới đây thì sẽ được phường, xã, quận huyện nơi mình sống làm phiếu cư trú dân (trừ trường hợp du lịch, và lưu trú ngắn hạn).

Bản sao phiếu cư trú dân sẽ được cấp tại Ủy ban hành chính phường xã, quận, huyện, nó là giấy chứng nhận thay thế cho giấy chứng nhận thông tin chi tiết kê khai trên bản gốc đăng lục thông tin người nước ngoài, có thể sử dụng để làm nhiều loại thủ tục.

① Thông tin chi tiết của người đó với người Nhật.

Chẳng hạn như thông tin về họ tên, họ tên chủ hộ và mối quan hệ với chủ hộ, ngày tháng năm sinh, giới tính nam nữ, địa chỉ, bảo hiểm y tế quốc dân, và tiền lương hưu...,

② Thông tin chi tiết địa chỉ của cư trú dân người nước ngoài

Các thông tin chi tiết như quốc tịch, quê quán, ngày tháng năm trở thành cư trú dân người nước ngoài tương ứng với bảng bên dưới.

※ Trong luật đăng lục người nước ngoài thì không hiển thị thông tin như nơi sinh, nghề nghiệp, số hộ chiếu, địa chỉ, nơi ở tại quốc gia thuộc nơi người đó mang quốc tịch, có đăng lục trong Bản khai chi tiết hạng mục đăng lục trên phiếu cư trú dân.

Phân khu đối tượng	Nội dung của người thuộc đối tượng	Hạng mục kê khai
Người có tư cách lưu trú trung dài hạn (Đối tượng được cấp thẻ lưu trú)	Người nước ngoài không thuộc các trường hợp: người nước ngoài có thời hạn lưu trú dưới 3 tháng, người có tư cách lưu trú ngắn hạn, ngoại giao, công vụ.	- Tư cách lưu trú, thời hạn lưu trú, ngày hết hạn lưu trú, số thẻ lưu trú được ghi trong thẻ lưu trú. - Người có tư cách lưu trú trung dài hạn
Người có tư cách vĩnh trú đặc biệt (Đối tượng được cấp Giấy chứng nhận vĩnh trú đặc biệt)	Người có tư cách vĩnh trú đặc biệt được cấp theo luật đặc biệt xuất nhập cảnh.	- Số giấy chứng nhận người có tư cách vĩnh trú đặc biệt được ghi trong Giấy chứng nhận người có tư cách vĩnh trú đặc biệt. - Là người có tư cách vĩnh trú đặc biệt.
Người được bảo trợ tạm thời hoặc người lưu trú tạm thời	Theo quy định của luật nhập cảnh người nước ngoài được cấp phép nhập cảnh để được bảo trợ, người nước ngoài sau khi tiến hành thủ tục xin tị nạn sẽ được lưu trú tạm thời.	- Thời hạn được phép vào Nhật ghi trên giấy cấp phép được bảo trợ, hoặc thời hạn lưu trú tạm thời ghi trong Giấy cho phép tị nạn tạm thời - Là người được cấp phép thuộc trường hợp được bảo trợ tạm thời, hoặc tị nạn tạm thời.
Người lưu trú trong quá trình sinh con, hay người lưu trú do mất quốc tịch.	Người là người nước ngoài sinh đẻ hoặc người lưu trú do mất quốc tịch Nhật Bản (Được lưu trú trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh sự vụ mà không cần có tư cách lưu trú)	Người lưu trú trong quá trình sinh con, hay người lưu trú do mất quốc tịch

(2) Thủ tục của chế độ sổ bộ cơ bản trú dân

① Khi nhập cảnh

Sau khi nhập cảnh vào Nhật, trường hợp tiếp tục sống lâu dài, trong vòng 14 ngày kể từ ngày dọn đến nơi ở mới phải tiến hành thủ tục xin khai báo tạm trú ở Ủy ban phường, quận thị xã đó.

② Khi chuyển đi

Trước khi dọn đi phải đến Ủy ban phường, quận thị xã làm thủ tục khai báo chuyển đi để xin giấy chứng nhận chuyển đi.

Sau khi chuyển đến nơi ở mới, trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển tới phải nộp giấy chứng nhận chuyển đi cho Ủy ban phường xã, quận huyện nơi mình chuyển đến để làm thủ tục xin khai báo tạm trú (chuyển vào).

③ Khi xuất cảnh

Trường hợp xuất cảnh, ngay cả khi có phép tái nhập cảnh thì trên nguyên tắc vẫn phải làm thủ tục chuyển đi.

(3) Thẻ sổ bộ cơ bản trú dân

Từ tháng 1 năm 2016 thẻ mã số định danh cá nhân mới bắt đầu được phát hành.

Vì thế, việc phát hành thẻ sổ bộ cơ bản trú dân đã kết thúc vào tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Người đã được cấp thẻ sổ bộ cơ bản trú dân vẫn có thể sử dụng cho đến khi hết hạn thời hạn hiệu lực của thẻ đó.

Hơn nữa, khi làm thủ tục nhận thẻ mã số định danh, thì phải trả lại thẻ sổ bộ cơ bản trú dân cho Ủy ban phường, quận thị xã nơi mình sống dù thẻ vẫn còn thời hạn hiệu lực.

※ Thông tin về thẻ Mã số định danh vui lòng xem tại “3. Chế độ mã số định danh”.

3 Chế độ mã số định danh

Vào ngày 5 tháng 10 năm 2015, đã bắt đầu chế độ mã số bảo hiểm xã hội, thuế (gọi tắt là mã số định danh).

Mã số định danh là mã số gồm 12 chữ số cố định mà mỗi người chỉ có 1 mã. Là vật cần thiết để cơ quan hành chính, hoặc nơi làm việc dùng cho việc tiến hành thủ tục bảo hiểm xã hội, thuế. Mã số định danh được cấp phát cho người Nhật và cư trú dân người nước ngoài có phiếu cư trú dân.

(1) Thủ tục liên quan đến chế độ mã số định danh

① Thông báo mã số định danh

Trường hợp đã đăng lục trú dân kể từ sau ngày 25 tháng 5 năm 2020 trở đi, trên mặt giấy có ghi mã số định danh gọi là “kojin bango tsuchisho – giấy thông báo mã số định danh cá nhân”, sẽ được gửi qua đường bưu điện, vào địa chỉ được ghi trong phiếu cư trú dân được lập trong Chế độ sổ bộ cơ bản trú dân.

Vì thế, nếu địa chỉ nơi ở thực tế khác với địa chỉ được ghi trong phiếu cư trú dân, có khả năng sẽ không nhận được giấy thông báo mã số định danh cá nhân. Trường hợp này hãy liên hệ với cổng tiếp dân của Ủy ban hành chính phường xã, quận huyện nơi mình sống.

Giấy thông báo mã số định danh cá nhân là tờ thông báo được gửi để thông báo mã số định danh của bạn.

Hãy lưu ý vì nó không thể dùng như “Giấy tờ chứng minh mã số định danh”.

※ “Thẻ thông báo” đã được thay bằng “Giấy thông báo mã số định danh cá nhân” từ ngày 25 tháng 5 năm 2020

② Sử dụng mã số định danh

Cung cấp mã số định danh cho công ty để thực hiện các thủ tục thuế như lập bảng thống kê

tổng thu nhập đã đóng thuế, thủ tục bảo hiểm xã hội. Cung cấp mã số định danh cho cơ quan hành chính vì rất cần thiết cho các thủ tục trợ cấp phúc lợi.

Ngoài ra, cung cấp mã số định danh cho công ty bảo hiểm, chứng khoán vì nó cần cho việc thực hiện thủ tục thuế như là tạo lập bản yêu cầu về thuế theo luật định.

(2) Lưu ý khi sử dụng mã số định danh

Nghiêm cấm các hành vi như sử dụng mã số định danh của người khác, thu thập mã số định danh, trừ việc thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội, thuế được pháp luật quy định. Không được bắt cần cung cấp mã số định danh của mình cho người khác, trừ trường hợp cần thiết. Ngoài ra, việc sử dụng thủ đoạn bất chính để lấy cắp mã số định danh của người khác là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị xử phạt theo luật định.

(3) Thẻ mã số định danh (mã số cá nhân)

① Cách sử dụng thẻ mã số định danh

Cư trú dân người nước ngoài được cấp mã số định danh và có thể làm thủ tục xin cấp thẻ mã số định danh. Trên Thẻ mã số định danh, ngoài các thông tin được ghi trong phiếu cư dân như họ tên, địa chỉ, ngày tháng năm sinh, giới tính, còn có ghi thêm mã số định danh và dán ảnh chứng minh, do đó có thể dùng làm giấy tờ tùy thân.

Hơn nữa, thẻ mã số định danh cá nhân là thẻ chip điện tử IC có chức năng bảo mật ưu việt, nên có thể sử dụng khi làm các thủ tục hành chính điện tử như hồ sơ báo cáo thuế...

Mặt khác, ngoài các mục được hiển thị trên bề mặt của thẻ mã số định danh, các mục được ghi trong chip điện tử IC bị giới hạn trong giấy chứng nhận điện tử sử dụng làm thủ tục online, các thông tin cá nhân mang tính riêng tư cao như thu nhập sẽ không hiển thị.

② Phương pháp thủ tục xin cấp thẻ mã số định danh

Để được cấp thẻ mã số định danh, có hai phương pháp là dán ảnh vào tờ đơn đính kèm trong phong bì “thông báo mã số định danh cá nhân” để thông báo mã số định danh của bưu điện, và gửi qua bưu điện hoặc sử dụng điện thoại smartphone và máy tính để làm thủ tục theo phương pháp online.

Thông tin cụ thể vui lòng liên hệ theo bảng dưới đây



Nơi tiếp nhận tư vấn-giải đáp

Tên	Số điện thoại	Thời gian tiếp nhận	Ngôn ngữ hướng dẫn
Đường dây gọi free dial tổng hợp mã số định danh (về chế độ mã số định danh, cổng thông tin mã số định danh)	0120-0178-26	Ngày thường 9:30~20:00 Ngày thứ 7, chủ nhật và ngày lễ 9:30~17:30 ※Tiếp nhận giải quyết 24 giờ 365 ngày về việc tạm ngưng sử dụng do mất, hay bị trộm.	Tiếng Nhật
Đối ứng tiếng nước ngoài thẻ mã số định danh (Chế độ mã số định danh, thủ tục hành chính điện tử thông qua thẻ định danh...)	0120-0178-26 (Miễn phí)	Ngày thường 9:30~20:00 Ngày thứ 7, chủ nhật và ngày lễ 9:30~17:30 (Trừ kỳ nghỉ tết từ ngày 29/12 đến ngày 3/1 của năm kế tiếp)	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, tiếng Việt, tiếng Thái, tiếng Indonesia, tiếng Philippin, tiếng Nepal
Thẻ mã số định danh, giấy chứng nhận điện tử, giấy thông báo mã số định danh cá nhân, thẻ thông báo, bị tạm khoá do mất, trộm.	0120-0178-27 (Miễn phí)	24 giờ ※Từ 20:00 đến 8:30 sáng ngày hôm sau là thời gian tiếp nhận giải quyết về việc tạm ngưng sử dụng do mất, hay bị trộm điện thoại có đăng tải thẻ định danh và giấy chứng nhận điện tử.	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha

		9 : 00 ~ 18 : 00	tiếng Thái, tiếng Nepal, tiếng Indonesia, tiếng Việt, tiếng Philippin
--	--	------------------	--

Trang chủ giới thiệu về chế độ mã số định danh

(Cơ quan hệ thống thông tin đoàn thể công ích địa phương Trang chủ tổng hợp thẻ My number) .

<https://www.kojinbango-card.go.jp/>

(Tiếng Nhật, Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha)

※ Chọn ngôn ngữ ở phía trên bên phải màn hình

4 Chế độ khác

(1) Người nước ngoài lấy quốc tịch Nhật

① Đổi quốc tịch

Người nước ngoài xin đổi quốc tịch tại bộ trưởng pháp vụ, sau khi được bộ trưởng cấp phép thì có thể lấy quốc tịch Nhật.

② Lấy quốc tịch

Người nước ngoài dưới 18 tuổi sau khi sinh được người Nhật thừa nhận, người nước ngoài dưới 18 tuổi có địa chỉ ở Nhật nhưng đã mất quốc tịch Nhật do không lưu giữ quốc tịch Nhật, tùy theo việc nộp đơn “Đơn xin nhận quốc tịch” cho Bộ trưởng tư pháp, có thể lấy quốc tịch Nhật.

(2) Lựa chọn quốc tịch

Người có quốc tịch Nhật và quốc tịch nước ngoài (mang hai quốc tịch) phải lựa chọn một trong hai quốc tịch cho đến trước năm 20 tuổi (nếu mang 2 quốc tịch sau 18 tuổi, thì trong vòng 2 năm kể từ ngày mang 2 quốc tịch). Nếu không lựa chọn quốc tịch thì có thể bị mất quốc tịch Nhật.



Nơi tiếp nhận tư vấn-giải đáp

Thủ tục xin đổi quốc tịch và lấy quốc tịch của người nước ngoài sinh sống trong tỉnh Saitama, được giải quyết ở ban quốc tịch Cục tư pháp địa phương Saitama.

Việc tư vấn theo lịch hẹn. Cần gọi điện để đặt lịch hẹn trước.

Ban quốc tịch Cục pháp vụ địa phương Saitama

Tel 048—851—1000 (Số đại diện) Bấm phím 「5」 → 「2」

Địa chỉ: Saitama shi, Chuoh ku, Shinmochiai 5-12-1

Văn phòng tổng hợp pháp vụ 2 saitama

Tiếp nhận Thứ 2 ~ thứ 6 (trừ ngày lễ) từ 9:00 ~ 17:00

Trang chủ giới thiệu về quốc tịch (Trang chủ pháp vụ, tiếng Nhật)

https://houmukyoku.moj.go.jp/homu/static/goannai_index_kosekikokuseki.html

https://houmukyoku.moj.go.jp/saitama/category_00005.html (Trang chủ Cục pháp vụ địa phương Saitama, tiếng Nhật)

(3) Chế độ hộ tịch

Ở Nhật, chế độ hộ tịch được xem như chứng minh pháp lý, có kê khai thông tin liên quan đến bản thân như ngày sinh, ngày mất, kết hôn của cá nhân. Trong trường hợp người nước ngoài kết hôn với người Nhật, thì cần phải nộp đơn. Thông tin trong đơn nộp sẽ được đăng lục, lưu trữ, nó trở thành tư liệu chứng minh về bản thân người đó.

Các loại đơn từ	Nơi làm thủ tục	
Giấy khai sinh	Phòng quản lý hộ tịch uỷ ban hành chính phường quận, thị xã	Thời hạn nộp đơn, và giấy tờ cần thiết vui lòng liên hệ uỷ ban hành chính nơi mình sống
Giấy khai tử		
Giấy kết hôn		
Giấy ly hôn		

Khi tiến hành thực hiện thủ tục này, thì phải làm cả thủ tục ở Đại sứ quán nơi mình mang quốc tịch và Cơ quan quản lý lưu trú xuất nhập cảnh. Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ Đại sứ quán nơi mình mang quốc tịch và Cơ quan quản lý lưu trú xuất nhập cảnh.

(4) Đăng ký con dấu

Ở Nhật, con dấu thường được sử dụng thay cho chữ ký. Con dấu được đăng ký ở uỷ ban hành chính gọi là “con dấu chính chủ”. Giấy chứng nhận con dấu đó là con dấu chính chủ được gọi là “Giấy chứng nhận đăng ký con dấu”. Ở Nhật, khi làm hợp đồng liên quan đến quyền lợi, thì phải có con dấu chính chủ và giấy chứng nhận đăng ký con dấu.

① Hồ sơ đăng ký con dấu

Người trên 15 tuổi có tên trong sổ bộ cơ bản trú dân (ngoại trừ người không có năng lực tự chủ) có thể nộp hồ sơ.

Con dấu, nhiều nơi quy định độ lớn trong con dấu hình chính phương là trên 8mm dưới 25mm, nhưng độ lớn này là khác nhau theo mỗi vùng vì thế phải xác nhận với Uỷ ban hành chính nơi mình sống.

Tên người đăng ký con dấu phải là tên được ghi trong phiếu cư trú dân (trường hợp có ghi tên thường gọi trong phiếu cư dân thì cả tên và tên thường gọi). Mỗi người chỉ được đăng ký 1 con dấu. Thủ tục khi muốn đăng ký con dấu, cần có thẻ lưu trú và con dấu muốn đăng ký. Con dấu không có đầy đủ hay chỉ có một phần tên, tên gọi thông thường, và là vật có chất liệu dễ biến dạng như cao su thì không được đăng ký.

Con dấu chỉ đăng ký ở Uỷ ban hành chính nơi mình sống, nên khi chuyển đến nơi ở mới cần làm thủ tục đăng ký lại.

② Chứng nhận đăng ký con dấu

Khi làm thủ tục đăng ký con dấu thì sẽ được cấp Giấy đăng ký con dấu. Khi làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký con dấu cần phải mang theo giấy này.